CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

FireAnt

CTCP Vietourist Holdings

Ngày 30/09/2024	7,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-4.9%**

DT thuần
Q3/24
54.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.20| 13.0%
YoY: ▲ 2.50| 4.9%

LN thuần
Q3/24
2.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -0.3%
YoY: ▲ 1.89| 440%

LN sau thuế
Q3/24
1.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.38| 226%
YoY: ▲ 1.66| 503%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
6.1%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM)
Q3/24
2.3%
YoY: +/-▲ 1.1%

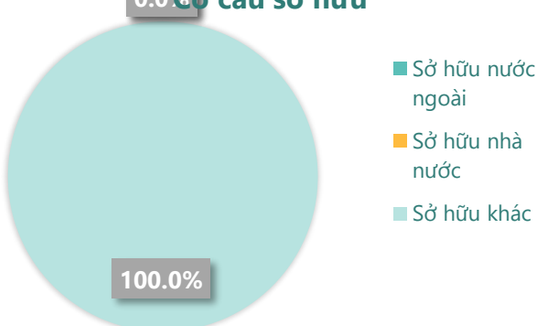
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,000 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,575
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.85
EPS	283
P/E	27.2

DT thuần
9T 2024
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 10.7%

LN thuần
9T 2024
6.04
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.05| 102%

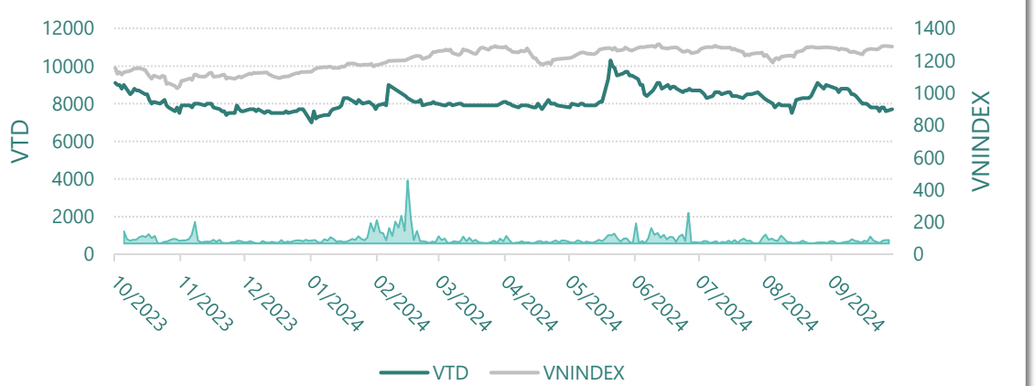
LN sau thuế
9T 2024
3.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.29| 54.7%

Cơ cấu sở hữu

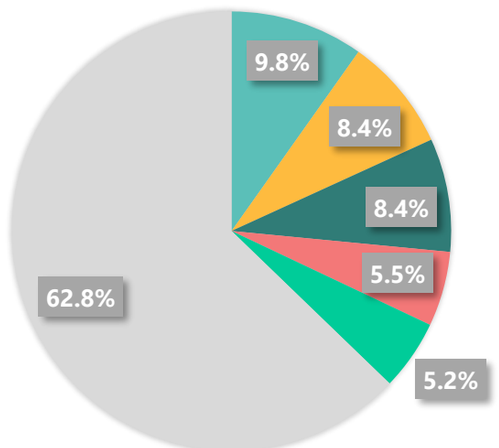


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



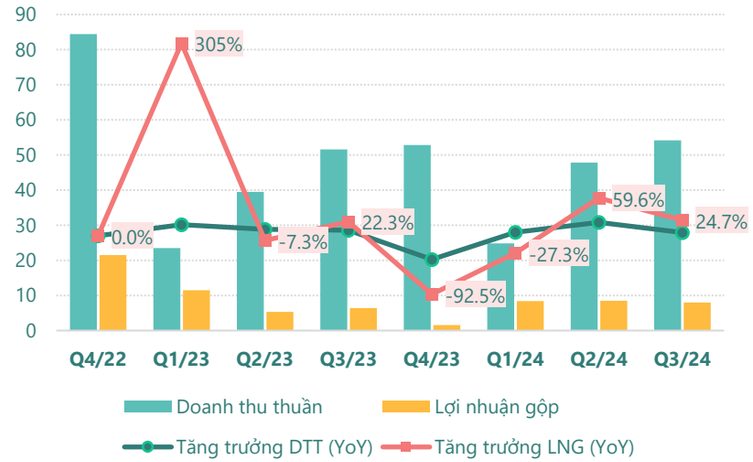
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

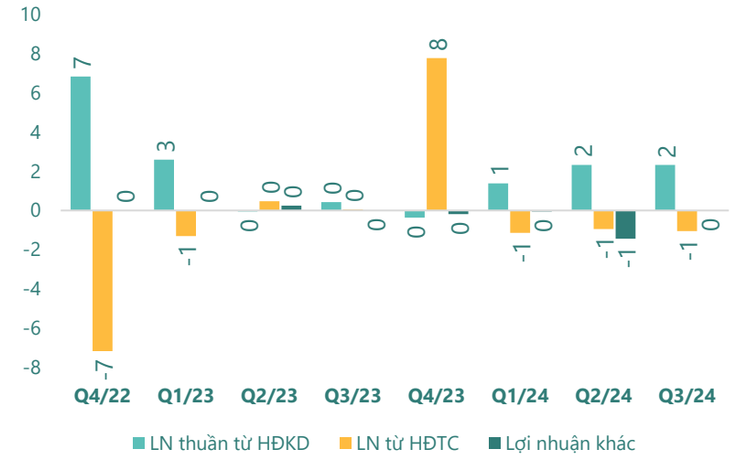
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



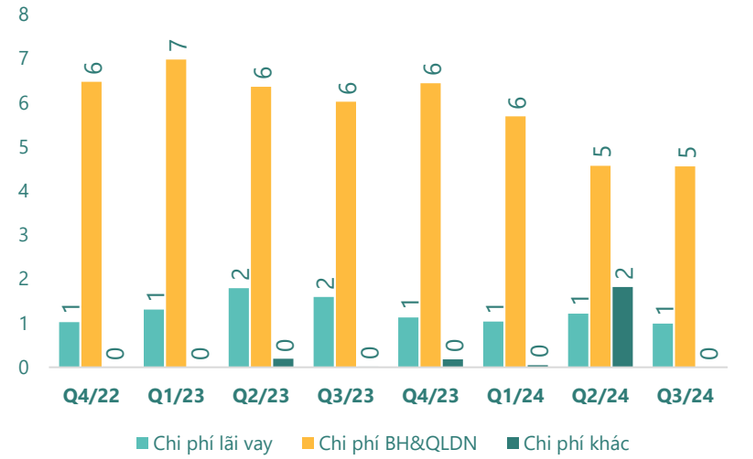
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



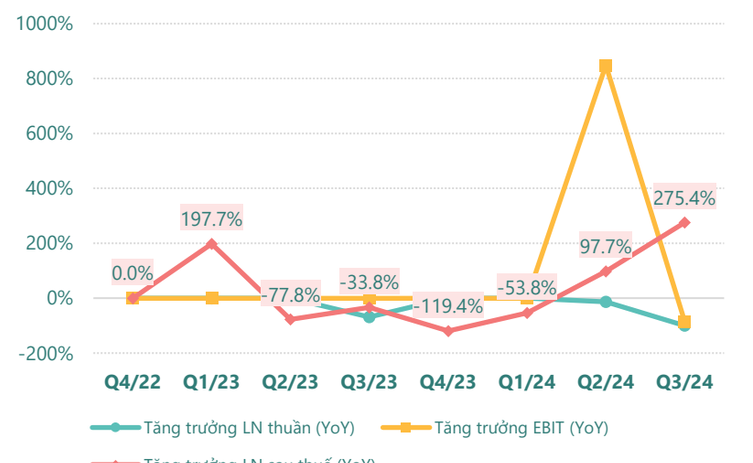
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



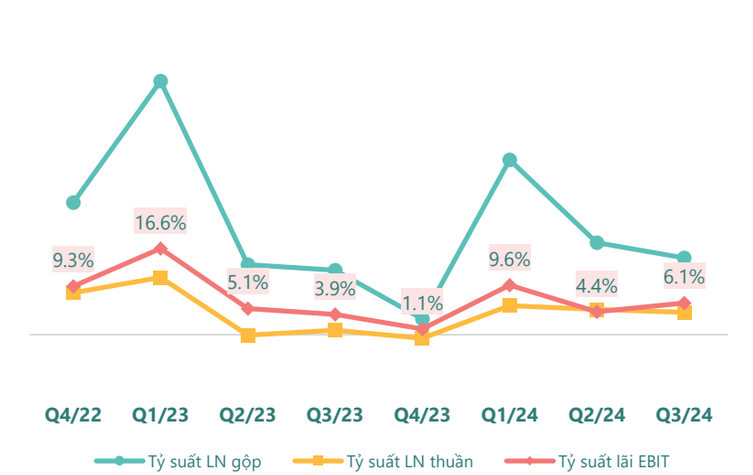
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



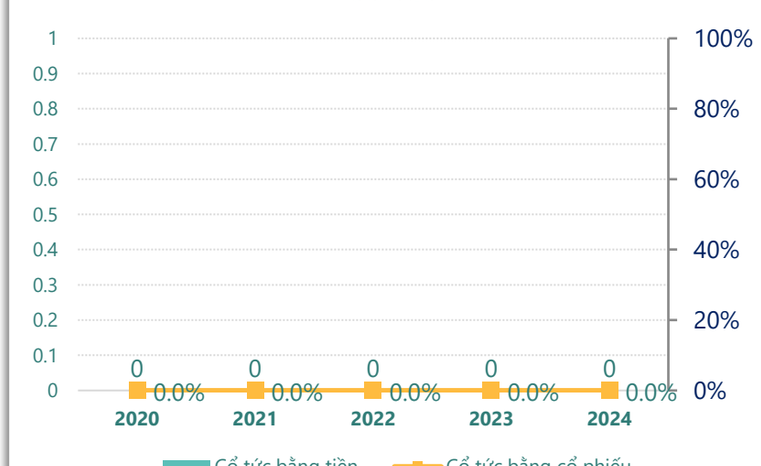
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

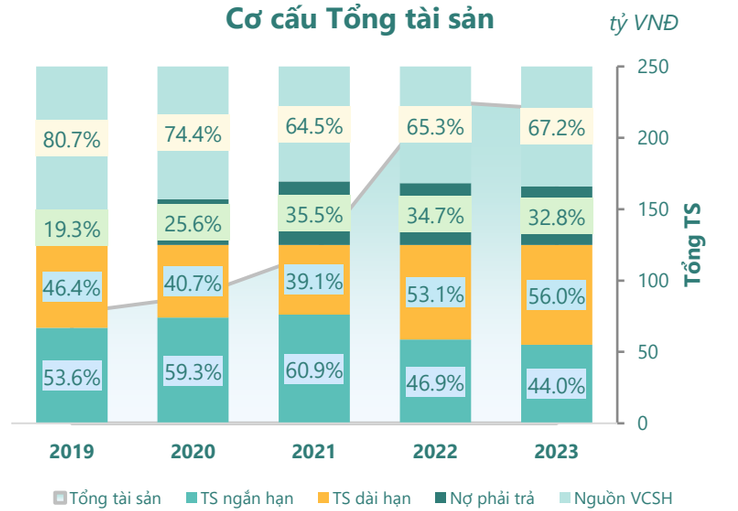
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

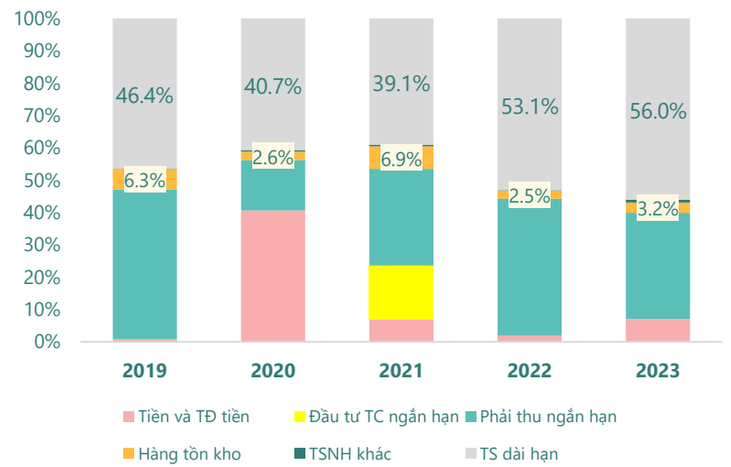
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



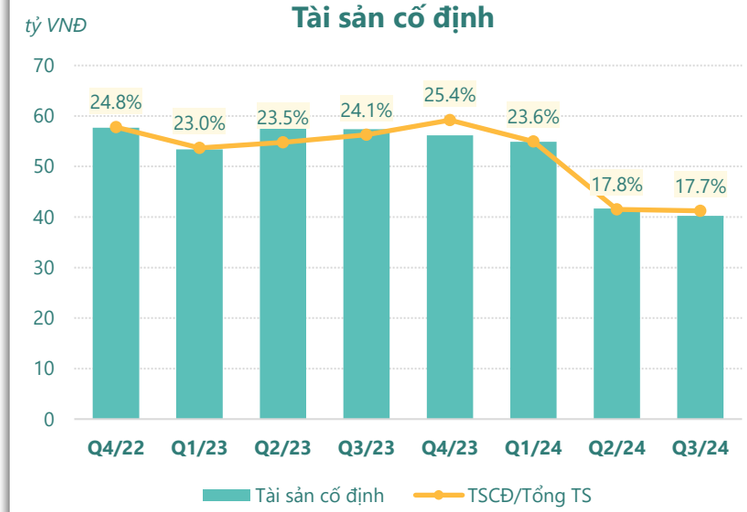
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



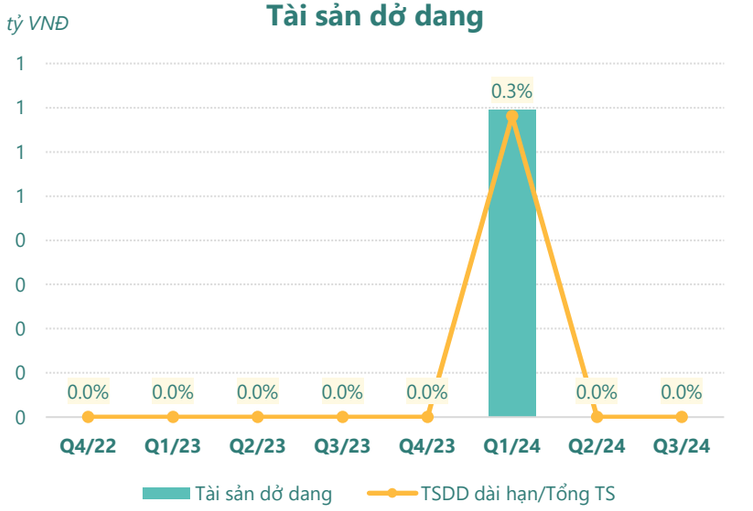
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



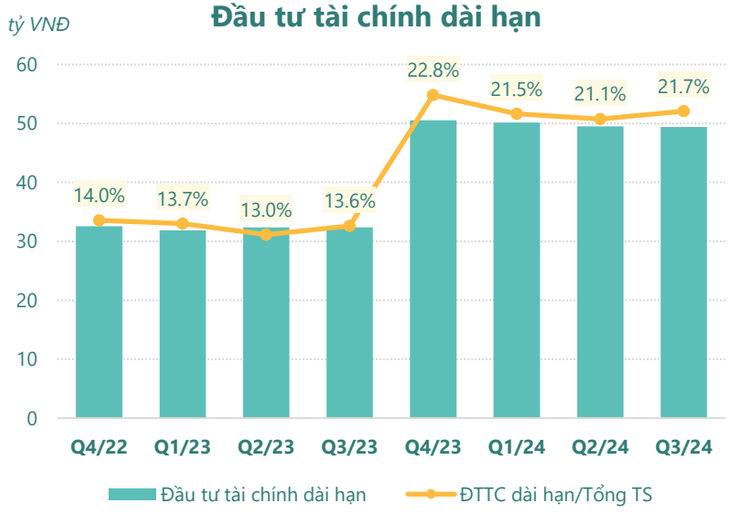
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



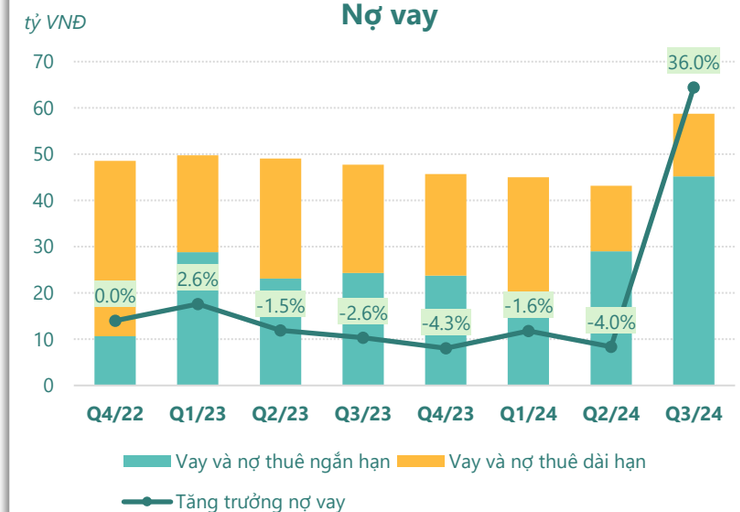
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

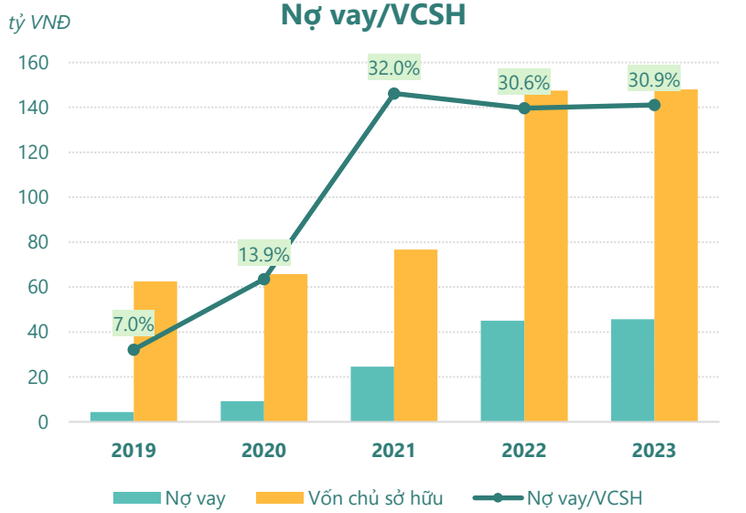
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

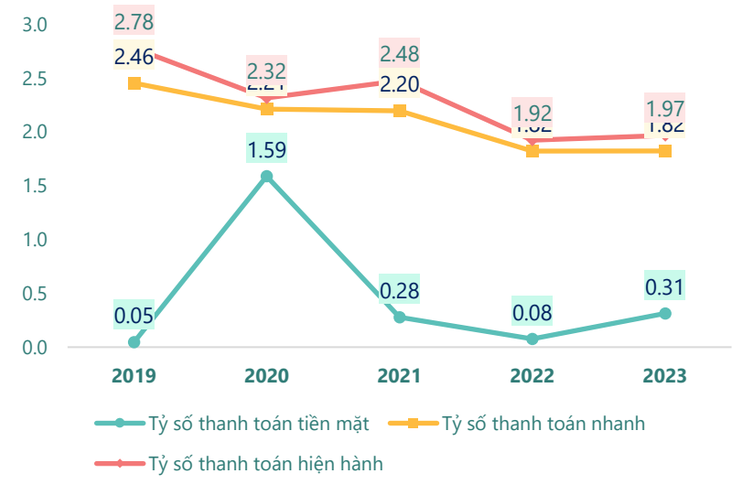
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



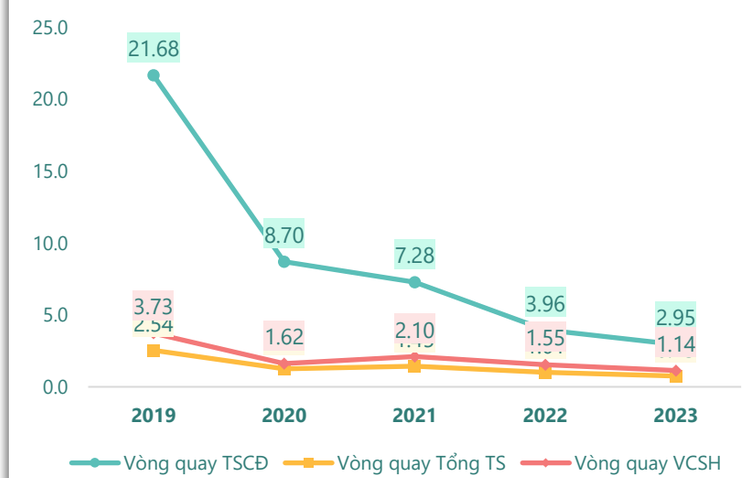
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



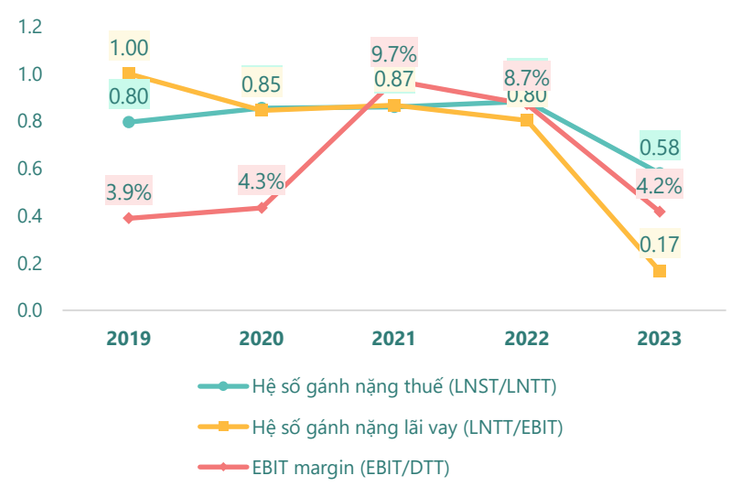
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



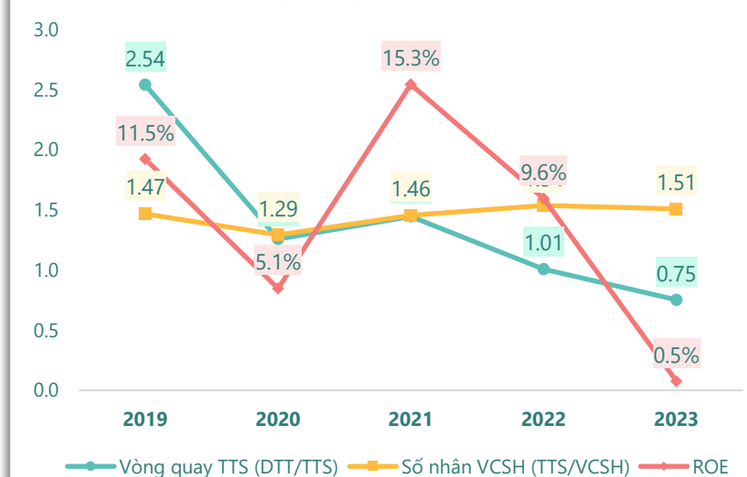
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



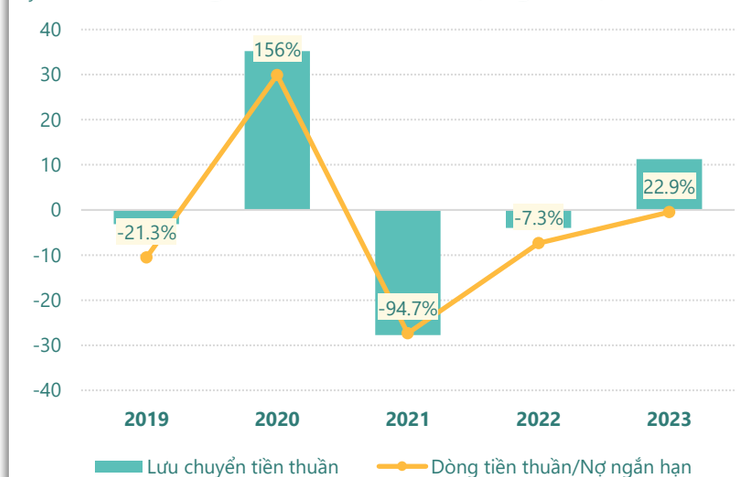
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**54.1**	**51.6**	**4.9%**	**127**	**115**	**10.7%**
Giá vốn hàng bán	46.1	45.1	2.3%	102	91.3	11.6%
Lợi nhuận gộp	8.01	6.42	24.8%	24.9	23.3	7.0%
Doanh thu HĐTC	0.07	1.65	-95.9%	0.23	3.93	-94.2%
Chi phí TC	1.13	1.60	-29.6%	3.39	4.70	-28.0%
Chi phí lãi vay	0.99	1.60	-37.9%	3.25	4.70	-30.9%
LN trong công ty LKLD	**-0.07**	**-0.03**	**-139%**	**-0.88**	**-0.14**	**-533%**
Chi phí bán hàng	1.06	2.27	-53.3%	4.46	8.28	-46.2%
Chi phí QLDN	**3.50**	**3.75**	**-6.7%**	**10.4**	**11.1**	**-6.5%**
LN thuần từ HĐKD	2.32	0.43	440%	6.04	2.99	102%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**82.3%**	**-1.49**	**0.24**	**-730%**
LN trước thuế	2.32	0.42	452%	4.55	3.23	40.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.99**	**0.33**	**503%**	**3.64**	**2.35**	**54.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.99**	**0.34**	**485%**	**3.64**	**2.35**	**54.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.9	-26.0	17.1	0.37	-21.0	-15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.2	35.9	-4.70	-1.89	21.7	5.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.9	-11.3	-2.03	-6.33	-2.50	14.8
Tiền đầu kỳ	3.93	6.47	5.09	15.5	7.61	5.89
Lưu chuyển tiền thuần	**2.53**	**-1.38**	**10.4**	**-7.86**	**-1.73**	**4.86**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.47	5.09	15.5	7.61	5.89	10.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**228**	**220**	**3.4%**
Tài sản ngắn hạn	122	96.9	25.8%
Tiền và tương đương tiền	10.7	15.5	-30.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	0	
Phải thu ngắn hạn	74.0	72.4	2.3%
Hàng tồn kho	29.6	7.13	315%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	1.89	-76.7%
Tài sản dài hạn	**106**	**123**	**-14.1%**
Phải thu dài hạn	14.1	13.2	7.0%
Tài sản cố định	40.2	56.1	-28.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.4	50.3	-1.7%
Tài sản dài hạn khác	**2.10**	**3.66**	**-42.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.1	72.2	5.5%
Nợ ngắn hạn	**62.6**	**49.2**	**27.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.2	22.7	98.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	13.2	1.3%
Nợ dài hạn	13.5	23.0	-41.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.5	23.0	-41.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**152**	**148**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**152**	**148**	**2.4%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)